

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN THÀNH NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1501/2022/TTSCĐ-TNI

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2022

TÓM TẮT SỔ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 15/01/2022 ĐỂ HỢP ĐHCĐ BẤT THƯỜNG 2022

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

I. CƠ CẤU SỞ HỮU

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					<i>Tổ chức</i>	<i>Cá nhân</i>
1	Cổ đông Nhà nước	00	0,00	00	00	00
2	Cổ đông sáng lập	00	0,00	00	00	00
3	Cổ đông lớn	00	0,00	00	00	00
	- Trong nước	00	0,00	00	00	00
	- Nước ngoài	00	0,00	00	00	00
4	Công đoàn Công ty	00	0,00	00	00	00
5	Cổ phiếu quỹ	00	0,00	00	00	00
6	Cổ đông khác					
	- Trong nước	51.353.170	97,82	10123	26	10097

	- Nước ngoài	755.240	1,43	29	23	06
TỔNG CỘNG		52.108.410	99,25	10152	49	10103
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		51.353.170	97,82	10125	26	10097
<i>- Nước ngoài</i>		755.240	1,43	29	23	06

2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					<i>Tổ chức</i>	<i>Cá nhân</i>
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	00	00	00	00	00
	- Trong nước	00	00	00	00	00
	- Nước ngoài	00	00	00	00	00
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên	00	00	00	00	00
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL	00	00	00	00	00
TỔNG CỘNG		00	00	00	00	00

Ghi chú:

- Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được định nghĩa tại Khoản 11 Điều 6 Luật chứng khoán số 70/2006/QH11.
- Cổ đông lớn là cổ đông nắm giữ cổ phiếu tương đương 5% vốn điều lệ hoặc hơn.

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Người nội bộ	391.590	00	391.590	0,75
II. Cổ phiếu quỹ	00	00	00	0,00
III. Công đoàn Công ty	00	00	00	0,00
IV. Cổ đông khác	00	52.108.410	52.108.410	99,25
1. Trong nước	00	51.353.170	51.353.170	-
1.1 Cá nhân	00	51.317.435	51.317.435	-
1.2 Tổ chức	00	35.735	35.735	-
2. Nước ngoài	00	755.240	755.240	-
TỔNG CỘNG	391.590	52.108.410	52.500.000	100

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

TT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 06 tháng	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 01 năm
Cổ đông lớn								
1	x	x	x	x	x	00	00	00

TT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 06 tháng	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 01 năm
TỔNG CỘNG							00	00

III. BẢNG CHI TIẾT VỀ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

TT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Thành viên HĐQT					
1	Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch HĐQT	391.490	00	391490	0,74981
2	Trần Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT	100	00	100	0,00019
3	Nguyễn Văn Kiên	Thành viên HĐQT	00	00	00	00
4	Đoàn Thị Thu Thủy	Thành viên HĐQT	00	00	00	00
II	Thành viên BGĐ					
1	Đoàn Thị Thu Thủy	Tổng Giám đốc	<i>Như đã nêu ở mục III/I/4</i>			
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	00	00	00	00
III	Thành viên BKS					
1	Nguyễn Thị Nghĩa	Trưởng Ban Kiểm soát	00	00	00	00
2	Đỗ Thanh Thủy	Thành viên BKS	00	00	00	00

TT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
3	Nguyễn Thị Trang	Thành viên BKS	00	00	00	00
IV	Kế toán trưởng					
1	Phan Vương Cường	Kế toán trưởng	00	00	00	00
V	Người CBTT					
1	Đoàn Thị Thu Thủy	Người được ủy quyền CBTT	00	00	00	00
TỔNG CỘNG					391.590	0,75

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

